CLOTHING

1. century	(n)	/'sent[əri/	thể kỷ	29. modernize	(v)	/'mpdenaiz/	hiên đai hóa
2. poet	(n)	/'pəʊɪt/	nhà thơ	30. modern	(a)	/ˈmɒdn/	hiện đại
3. poetry	(n)	/'pəvətri/	thơ ca	31. plaid	(a)	/plæd/	có ca-rô, kẻ ô vuông
4. poem	(n)	/ˈpəʊɪm/	bài thơ	32. suit	(a)	/su:t/	trơn
traditional	(a)	/trəˈdɪʃənl/	truyền thống	33. sleeve	(n)	/sli:v/	tay áo
6. silk	(n)	/sɪlk/	lua	34. sleeveless	(a)	/'sli:vləs/	không có tay
7. tunic	(n)	/'tju:nɪk/	tà áo	35. short- sleeved	(a)	/ʃɔːt-sliːvd/	tay ngắn
8. slit	(v)	/slrt/	xẻ	36. sweater	(n)	/'swetə(r)/	áo len
9. loose	(a)	/lu:s/	lỏng, rộng	37. baggy	(a)	/ˈbægi/	rộng thùng thình
10. pants (= trousers)	(n)	/pænts/	quần (dài)	38. faded	(a)	/feɪdɪd/	phai màu
11. design	(n, v)	/dɪˈzaɪn/	bản thiết kế, thiết kế	39. shorts	(n)	/ʃɔ:ts/	quần đùi
12. designer	(n)	/dɪˈzaɪnə(r)/	nhà thiết kế	40. casual clothes	(n)	/ˈkæʒuəl kləʊðz/	quần áo thông thường
13. fashion designer	(n)	/ˈfæʃn dɪˈzaɪnə(r)/	nhà thiết kế thời trang	41. sailor	(n)	/ˈseɪlə(r)/	thủy thủ
14. material	(n)	/məˈtɪəriəl/	vật liệu	42. cloth	(n)	/kləʊð/	våi
15. convenient	(a)	/kən'vi:niənt/	thuận tiện	43. wear out	(v)	/weə(r) aut/	mòn, rách
16. convenience	(n)	/kən'vi:niəns/	sự thuận tiện	44. embroider	(v)	/(r)/ebɪcndˈmɪ/	thêu
17. lines of poetry	(n)	/laɪn əv 'pəʊətri/	những câu thơ	45. label	(n)	/ˈleɪbl/	nhãn hiệu
18. fashionable	(a)	/ˈfæʃnəbl/	hợp thời trang	46. sale	(n)	/seɪl/	doanh thu
19. inspiration	(n)	/ˌɪnspəˈreɪʃn/	nguồn cảm hứng	47. go up = increase	(v)	/дәъ лр/	tăng lên
20. inspire	(v)	/in'spaie(r)/	gây cảm hứng	48. economic	(a)	/ˌiːkəˈnɒmɪk/	thuộc về kinh tế
21. ethnic minority	(n)	/ˌeθnɪk maɪˈnɒrəti/	dân tộc thiểu số	49. economy	(n)	/ɪˈkɒnəmi/	nền kinh tế
22. symbol	(n)	/'simbl/	ký hiệu, biểu tượng	50. economical	(a)	/ˌiːkəˈnɒmɪkl/	tiết kiệm
23. symbolize	(v)	/ˈsɪmbəlaɪz/	tượng trưng	51. worldwide	(a)	/,ws:ld'ward/	rộng khắp thể giới
24. cross	(n)	/'simbelaiz/	chữ thập	52. out of fashion	(a)	/ aut əv fæʃn/	lỗi thời
25. stripe	(n)	/straɪp/	sọc	53. generation	(n)	/ˌdʒenəˈreɪʃn/	thế hệ
26. striped	(a)	/straɪpt/	có sọc	54. (be) fond of = like	(v)	/fpnd ev/	thích
27. unique	(a)	/juˈniːk/	độc đáo	55. hardly	(adv)	/'ha:dli/	hầu như không
28. subject	(n)	/ˈsʌbdʒɪkt/	chủ đề, đề tài	56. put on = wear	(v)	/put pn/	mặc vào
				57. point of view		/point ev vju:/	quan điểm
				58. (be) proud of	(v)	/praud əv/	tự hào về

NGỮ PHÁP

THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH

https://www.liveworksheets.com/zm848jp

https://www.liveworksheets.com/gc1334456fi

DẠNG BỊ ĐỘNG

https://www.liveworksheets.com/yx16129hv

Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others

1. A. <u>ch</u> ildhood	B. champagne	C. chapter	D. <u>ch</u> arity
2. A. lighthouse	B. <u>h</u> eritage	C. <u>h</u> otel	D. <u>h</u> our



3. A	. conducts	B. returns	C. wanders	D. wonders					
Exercise 2: Choose the word that has the main stress placed differently from the others									
1. A	. negative	B. determine	C. forbidden	D. attraction					
2. A	eptable	B. affordable	C. reliable	D. fashionable					
			swer A, B, C or						
The trip to the National Gallery has beenuntil next Friday. B. looked into									
Every time I fly to the United States, I get really bad A. asthma B. jet lag C. confusion D. recreation									
A. asthma B. jet lag C. confusion D. recreation									
The street food in Hoi An is delicious and A. available B. fabulous C. affordable D. fascinating									
				dable D.1	fascinating				
4. 1	Hanks for g	iving me a ride t	is direction anyw	av "					
					No worries. D. I'd love to.				
 A. You don't need to. B. Yes, thanks. C. No worries. D. I'd love to. The majority of nurses are women, but in the higher ranks of the medical profession women are in a 									
A. rarity B. minority C. scarcity D. minimum									
6 H	e earns his	living by	old paint		minimum				
6. He earns his living by old paintings. A. reviving B. restoring C. reforming D. replenishing									
7. His answer was so confused that I could hardly make any of it at all.									
A. in	terpretation	B. m	eaning	C. intelligibility	D. sense				
A. interpretation B. meaning C. intelligibility D. sense 8. They always kept on good with their next-door neighbours for the children's sake.									
A. fr	iendship	B. relations	C. will	D. terms					
9. M	y passport		ast month, so I v	vill have to get a	new one.				
A. e	lapsed	B. expired	C. ende	ed D. f	terminated				
10. I	Dong Khoi S	Street is the mai	n shopping stree	t in the	of downtown in Ho Chi Minh City.				
	nind		C. head		spot				
	A. worry	B. s <u>o</u>		ly from the other. C. dog	D. doctor				
2.		***********	200-0	C. received	D. washed				
3.	A. about			C. y <u>ou</u> ng	ACCOUNT SOURCE CONTRACTOR OF THE CONTRACTOR OF T				
4.	A. invited		ket	100 Table 100 Ta	D. circus				
		B. j <u>a</u> r		C. face	D. take				
		_	hat has different		2.2				
6.				C. designer	D. embroider				
7.	A. fashiona	able B. rivalry		C. encourage	D. logical				
8.	A. poem	B. ch	ampagne	C. label	D. novel				
9.	A. inspirati	on B. ec	onomic	C. situation	D. material				
10.	A. impress	B. co	mic	C. cotton	D. baggy				
III. Find the one choice that best completes the sentence.									
11. Now fashion want to change the traditional Ao dai.									
A. makers B. workers C. designers D. dressers									
12. The word "Jeans" comes from a kind of that was made in Europe.									
A. substance B. form C. element D. material									
13. In the 18th century Jean cloth was made completely from A. rubber B. leather C. cotton D. nylon									
14. In the 1980s jeans finally became high fashion clothing of jeans went up and up.									
A. Sales B. Buving C. Selling D. Making									

